

Mời các bạn cùng tham khảo hướng dẫn giải bài tập Toán lớp 6 **Bài 4: Phép nhân, phép chia các số tự nhiên** Cánh Diều hay, ngắn gọn được chúng tôi chọn lọc và giới thiệu ngay dưới đây nhằm giúp các em học sinh tiếp thu kiến thức và củng cố bài học của mình trong quá trình học tập môn Toán.

Trả lời câu hỏi SGK Bài 4 Toán lớp 6 Cánh Diều

Câu hỏi khởi động trang 18 Toán lớp 6 Tập 1: Một thửa ruộng có dạng hình chữ nhật với chiều rộng là 150m và chiều dài là 250m. Người ta chia thửa ruộng đó thành bốn phần bằng nhau để gieo trồng những giống lúa khác nhau.



(Ảnh: Phạm Minh Phương)

Diện tích mỗi phần là bao nhiêu mét vuông?

Lời giải:

Diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$150 \times 250 = 37\,500 \text{ (m}^2\text{)}$$

Vì người ta chia thửa ruộng đó thành 4 phần bằng nhau nên diện tích mỗi phần của thửa ruộng là:

$$37\,500 : 4 = 9\,375 \text{ (m}^2\text{)}$$

Vậy diện tích mỗi phần của thửa ruộng là 9 375 m².

Hoạt động 1 trang 188 Toán lớp 6 Tập 1: Tính: 152 x 213.

Lời giải:

Thông thường, ta đặt tính nhân như sau:

$$\begin{array}{r}
 152 \\
 \times 213 \\
 \hline
 456 \\
 152 \\
 304 \\
 \hline
 32376
 \end{array}$$

Trong đó:

$3 \times 152 = 456$: Tích riêng thứ nhất.

$1 \times 152 = 152$: Tích riêng thứ hai. Tích này viết lùi sang trái một cột so với tích riêng thứ nhất.

$2 \times 152 = 304$: Tích riêng thứ ba. Tích này viết lùi sang bên trái hai cột so với tích riêng thứ nhất.

32376: Cộng các tích riêng theo cột dọc.

Vậy $152 \times 213 = 32\,376$.

Luyện tập 1 trang 19 Toán lớp 6 Tập 1: Đặt tính để tính tích: 341×157 .

Lời giải:

Ta có:

$$\begin{array}{r}
 341 \\
 \times 157 \\
 \hline
 2387 \\
 1705 \\
 341 \\
 \hline
 53537
 \end{array}$$

Vậy $341 \times 157 = 53\,537$.

Hoạt động 2 trang 19 Toán lớp 6 Tập 1: Hãy nêu các tính chất của phép nhân các số tự nhiên.

Lời giải:

Phép nhân các số tự nhiên có các tính chất sau:

+) Giao hoán: $a \cdot b = b \cdot a$

+) Kết hợp: $(a \cdot b) \cdot c = a \cdot (b \cdot c)$

+) Nhân với số 1: $a \cdot 1 = 1 \cdot a = a$

+) Phân phối đối với phép cộng và phép trừ:

$$a \cdot (b + c) = a \cdot b + a \cdot c$$

$$a \cdot (b - c) = a \cdot b - a \cdot c$$

Luyện tập 2 trang 19 Toán lớp 6 Tập 1: Tính một cách hợp lí:

a) $250 \cdot 1\,476 \cdot 4$

b) $189 \cdot 509 - 189 \cdot 409$

Lời giải:

a) $250 \cdot 1\,476 \cdot 4$

$$= 250 \cdot 4 \cdot 1\,476 \text{ (tính chất giao hoán)}$$

$$= (250 \cdot 4) \cdot 1\,476 \text{ (tính chất kết hợp)}$$

$$= 1\,000 \cdot 1\,476$$

$$= 1\,476\,000.$$

$$\text{b) } 189 \cdot 509 - 189 \cdot 409$$

$$= 189 \cdot (509 - 409) \text{ (tính chất phân phối của phép nhân đối với phép trừ)}$$

$$= 189 \cdot 100$$

$$= 18\,900.$$

Luyện tập 3 trang 19 Toán lớp 6 Tập 1: Một gia đình nuôi 80 con gà. Biết trung bình một con gà ăn 105 g thức ăn trong một ngày. Gia đình đó cần bao nhiêu ki-lô-gam thức ăn cho đàn gà trong 10 ngày?

Lời giải:

Có thể giải bài toán này theo hai cách sau:

Cách 1.

Trong 10 ngày, một con gà ăn trung bình số g thức ăn là:

$$105 \cdot 10 = 1\,050 \text{ (g thức ăn)}$$

Trong 10 ngày, 80 con gà (hay cả đàn gà) ăn số g thức ăn là:

$$1\,050 \cdot 80 = 84\,000 \text{ (g thức ăn)}$$

$$\text{Đổi } 84\,000 \text{ g} = 84 \text{ kg}$$

Vậy gia đình đó cần 84 kg thức ăn cho đàn gà trong 10 ngày.

Cách 2.

Một ngày, 80 con gà (hay cả đàn gà) ăn số g thức ăn là:

$$105 \cdot 80 = 8\,400 \text{ (g thức ăn)}$$

Trong 10 ngày, 80 con gà (hay cả đàn gà) ăn số thức ăn là:

$$8\ 400 \cdot 10 = 84\ 000 \text{ (g thức ăn)}$$

$$\text{Đổi } 84\ 000 = 84 \text{ kg}$$

Vậy gia đình đó cần 84 kg thức ăn cho đàn gà trong 10 ngày.

Hoạt động 3 trang 20 Toán lớp 6 Tập 1: Tính $2\ 795 : 215$.

Lời giải:

Thông thường, ta đặt tính chia như sau:

$$\begin{array}{r} 2795 \mid 215 \\ 645 \mid 13 \\ 0 \end{array}$$

+) Lấy 279 chia cho 215 được 1, viết 1;

Lấy 1 nhân 215 được 215; lấy 279 trừ đi 215 được 64, viết 64.

+) Hạ chữ số 5, được 645

Lấy 645 chia cho 215 được 3, viết 3;

Lấy 3 nhân 215 được 645; lấy 645 trừ đi 645 được 0, viết 0.

Vậy $2\ 795 : 215 = 13$.

Luyện tập 4 trang 20 Toán lớp 6 Tập 1: Đặt tính để tính thương: $139\ 004 : 236$.

Lời giải:

Ta có:

$$\begin{array}{r|l} 139004 & 236 \\ 2100 & \overline{589} \\ 2124 & \\ 0 & \end{array}$$

Vậy $139\ 004 : 236 = 589$.

Hoạt động 4 trang 20 Toán lớp 6 Tập 1: Thực hiện phép chia 236 cho 12.

Lời giải:

Ta có:

$$\begin{array}{r|l} 236 & 12 \\ 116 & \overline{19} \\ 8 & \end{array}$$

Thực hiện phép chia trên ta có $236 : 12 = 19$ (dư 8), tức là $236 = 12 \cdot 19 + 8$.

Luyện tập 5 trang 20 Toán lớp 6 Tập 1: Đặt tính để tính thương và số dư của phép chia: $5\ 125 : 320$.

Lời giải:

Ta có:

$$\begin{array}{r|l} 5125 & 320 \\ 1925 & \overline{16} \\ 5 & \end{array}$$

Vậy $5\ 125 : 320 = 16$ (dư 5).

Giải bài tập SGK Toán 6 Cánh Diều Bài 4

Bài 1 trang 21 Toán lớp 6 Tập 1: Tìm các số thích hợp ở \square :

a) $a \cdot 0 = \square$;

b) $a : 1 = \square$;

c) $0 : a = \square$ (với $a \neq 0$).

Lời giải:

a) Ta có: $a \cdot 0 = 0$ (Một số bất kì nhân với số 0 thì đều có kết quả bằng 0)

Vậy số thích hợp điền vào dấu \square là 0.

b) Ta có: $a : 1 = a$ (Một số bất kì chia cho 1 thì bằng chính nó)

Vậy số thích hợp điền vào dấu \square là a.

c) Ta có: $0 : a = 0$ ($a \neq 0$) (Số 0 chia cho bất kì số nào khác 0 đều có kết quả bằng 0)

Vậy số thích hợp điền vào dấu \square là 0.

Bài 2 trang 21 Toán lớp 6 Tập 1: Tính một cách hợp lí:

a) $50 \cdot 347 \cdot 2$;

b) $36 \cdot 97 + 97 \cdot 64$;

c) $157 \cdot 289 - 289 \cdot 57$.

Lời giải:

a) $50 \cdot 347 \cdot 2$

$$= 50 \cdot 2 \cdot 347 \text{ (tính chất giao hoán)}$$

$$= (50 \cdot 2) \cdot 347 \text{ (tính chất kết hợp)}$$

$$= 100 \cdot 347$$

$$= 34\,700.$$

b) $36 \cdot 97 + 97 \cdot 64$

$$= 97 \cdot 36 + 97 \cdot 64 \text{ (tính chất giao hoán đối với phép nhân)}$$

$$= 97 \cdot (36 + 64) \text{ (tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng)}$$

$$= 97 \cdot 100$$

$$= 9\,700.$$

c) $157 \cdot 289 - 289 \cdot 57$

$$= 289 \cdot 157 - 289 \cdot 57 \text{ (tính chất giao hoán đối với phép nhân)}$$

$$= 289 \cdot (157 - 57) \text{ (tính chất phân phối của phép nhân đối với phép trừ)}$$

$$= 289 \cdot 100$$

$$= 28\,900.$$

Bài 3 trang 21 Toán lớp 6 Tập 1: Đặt tính rồi tính:

a) $409 \cdot 215$;

b) $54\,322 : 346$;

c) $123\,257 : 404$.

Lời giải:

a) $409 \cdot 215$

Ta có:

$$\begin{array}{r}
 409 \\
 \times 215 \\
 \hline
 2045 \\
 409 \\
 818 \\
 \hline
 87935
 \end{array}$$

Vậy $409 \cdot 215 = 87\,935$.

b) $54\,322 : 346$

Ta có:

$$\begin{array}{r|l}
 54322 & 346 \\
 1972 & \underline{157} \\
 \hline
 2422 & \\
 0 &
 \end{array}$$

Vậy $54\,322 : 346 = 157$.

c) $123\,257 : 404$

Ta có:

$$\begin{array}{r|l}
 123257 & 404 \\
 205 & \underline{305} \\
 \hline
 2057 & \\
 37 &
 \end{array}$$

Vậy $123\,257 : 404 = 305$ (dư 37).

Bài 4 trang 21 Toán lớp 6 Tập 1: Một bệnh nhân bị sốt cao, mất nước. Bác sĩ chỉ định uống 2 lít dung dịch Oresol để bù nước. Biết mỗi gói Oresol pha với 200 ml nước. Bệnh nhân đó cần dùng bao nhiêu gói Oresol?

Lời giải:

Đổi 2 lít = 2 000 ml (đã được học quy tắc đổi ở Tiểu học)

Vì mỗi gói Oresol pha với 200ml nước nên bệnh nhân đó cần dùng số gói Oresol là:

$$2\ 000 : 200 = 10 \text{ (gói)}$$

Vậy bệnh nhân cần dùng 10 gói Oresol.

Bài 5 trang 21 Toán lớp 6 Tập 1: Một đội thanh niên tình nguyện có 130 người cần thuê ô tô để di chuyển. Họ cần thuê ít nhất bao nhiêu xe nếu mỗi xe chở được 45 người?

Lời giải:

Đội tình nguyện có 130 người, mỗi xe thì chở được 45 người.

Ta thực hiện phép chia $130 : 45$

$$\begin{array}{r|l} 130 & 45 \\ 40 & 2 \end{array}$$

Ta thấy $130 : 45 = 2$ (dư 40)

Nên ta cần thêm 1 xe nữa để chở 40 người dư.

Do đó số xe ít nhất mà đội tình nguyện cần thuê để chở hết 130 người là:

$$2 + 1 = 3 \text{ (xe)}$$

Vậy đội tình nguyện cần thuê ít nhất 3 xe để di chuyển.

Bài 6 trang 21 Toán lớp 6 Tập 1: Lá cây chứa rất nhiều chất diệp lục trong lục lạp làm cho lá có màu xanh. Ở lá thầu dầu, cứ 1mm^2 lá có khoảng 500 000 lục lạp.



Tính số lục lạp có trên một chiếc là thầu dầu có diện tích khoảng 210cm^2 .

Lời giải:

Đổi: $210\text{ cm}^2 = 21\ 000\text{ mm}^2$

Cứ 1 mm^2 lá thầu dầu có khoảng $500\ 000$ lục lạp

Do đó 210 cm^2 hay $21\ 000\text{ mm}^2$ lá thầu dầu có số lục lạp là:

$500\ 000 \cdot 21\ 000 = 10\ 500\ 000\ 000$ (lục lạp)

Vậy số lục lạp trên một chiếc lá thầu dầu có diện tích khoảng 210 cm^2 là $10\ 500\ 000\ 000$ lục lạp.

Bài 7 trang 21 Toán lớp 6 Tập 1:) Ở Bắc Bộ, quy ước: $1\text{ thước} = 24\text{m}^2$, $1\text{ sào} = 15\text{ thước}$, $1\text{ mẫu} = 10\text{ sào}$. Theo kinh nghiệm nhà nông, để mạ đạt tiêu chuẩn thì 1 sào ruộng cần gieo khoảng 2 kg thóc giống.

a) Để gieo trên 1 mẫu ruộng cần khoảng bao nhiêu ki-lô-gam thóc giống?

b) Để gieo mạ trên 9 ha ruộng cần khoảng bao nhiêu ki-lô-gam thóc giống?

Lời giải:

a) $1\text{ mẫu} = 10\text{ sào}$

1 sào ruộng cần gieo khoảng 2 kg thóc giống

Nên 1 mẫu ruộng (hay 10 sào ruộng) cần gieo số kg thóc giống là:

$10 \cdot 2 = 20$ (kg thóc giống)

Vậy để gieo trên 1 mẫu ruộng cần khoảng 20 kg thóc giống.

b) Đồi 9 ha = 90 000 m²

Ta có: 1 thước = 24m²

Do đó 9 ha ruộng thì bằng:

$$90\ 000 : 24 = 3\ 750 \text{ (thước)}$$

Lại có: 1 sào = 15 thước

Nên 9 ha ruộng (hay 3 750 thước ruộng) thì bằng:

$$3\ 750 : 15 = 250 \text{ (sào)}$$

1 sào ruộng cần gieo khoảng 2 kg thóc giống

Nên 9 ha ruộng (hay 250 sào ruộng) cần gieo số kg thóc giống là:

$$250 \cdot 2 = 500 \text{ (kg thóc giống)}$$

Vậy để gieo mạ trên 9 ha ruộng cần khoảng 500 kg thóc giống.

Bài 8 trang 21 Toán lớp 6 Tập 1: Sử dụng máy tính cầm tay.

Nút dấu nhân: x ; nút dấu chia: :

Phép tính	Nút ấn	Kết quả
261×374	$2\ 6\ 1\ \times\ 3\ 7\ 4\ =$	97 614
$288\ 376 : 638$	$2\ 8\ 8\ 3\ 7\ 6\ :\ 6\ 3\ 8\ =$	452

Dùng máy tính cầm tay để tính:

a) $275 \times 356;$

b) $14\ 904 : 207;$

c) $15 \times 47 \times 216.$

Lời giải:

Dùng máy tính cầm tay ta tính được:

a) $275 \times 356 = 97\,900$;

b) $14\,904 : 207 = 72$;

c) $15 \times 47 \times 216 = 152\,280$.

►► **CLICK NGAY** vào **TẢI VỀ** dưới đây để download giải Giải bài tập Toán 6 **Bài 4: Phép nhân, phép chia các số tự nhiên** Cánh Diều ngắn gọn, hay nhất file pdf hoàn toàn miễn phí.